

Số: *449*/QĐ-MNBN

Quận 1, ngày *05* tháng *9* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2019
của Trường mầm non Bé Ngoan**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về việc thành lập trường Mầm non Bé Ngoan, trong đó quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của trường Mầm non Bé Ngoan;

Căn cứ Thông báo số 48/TB-TCKH ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Phòng Tài chính – Kế hoạch về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019 của trường Mầm non Bé Ngoan;

Xét đề nghị của kế toán trường Mầm non Bé Ngoan;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của trường Mầm non Bé Ngoan (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, bộ phận kế toán và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường Mầm non Bé Ngoan, các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân Quận 1;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 1;
- Cổng thông tin điện tử MNBN;
- Lưu: VT; KT; HT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Mỹ Phương
Nguyễn Thị Mỹ Phương

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020 - 2021

SỐ TT	NỘI DUNG	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	1. Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được - Đảm bảo nhu cầu năng lượng của trẻ Nhà trẻ đạt 60-70% nhu cầu cả ngày (Từ 600-651 Kcal) theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT. - Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. - Trẻ SDD thể nhẹ cân dưới 1%. 2. Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được Trẻ phát triển các lĩnh vực phát triển thể chất, phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ, phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội phù hợp với độ tuổi. Có 90% - 95% trẻ thực hiện tốt.	1. Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được - Đảm bảo nhu cầu năng lượng của trẻ Mẫu giáo đạt 50 - 55% nhu cầu cả ngày (Từ 615-726 Kcal) theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT. - Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. - Trẻ SDD thể nhẹ cân dưới 1%. 2. Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được Trẻ phát triển các lĩnh vực phát triển thể chất, phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ, phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội, phát triển thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi 95%. Có 98% trẻ thực hiện tốt.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình Giáo dục mầm non - Chương trình giáo dục mầm non Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 và Thông tư sửa đổi, bổ sung số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng	Chương trình Giáo dục mầm non - Chương trình giáo dục mầm non Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 và Thông tư sửa đổi, bổ sung số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào

		Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 1 năm 2017 về ban hành chương trình Giáo dục mầm non.	tạo - Riêng khối 5-6 tuổi thực hiện chương trình giáo dục kết hợp với bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi (Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT). - Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 1 năm 2017 về ban hành chương trình Giáo dục mầm non.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	1. Về thể chất - Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Khám sức khoẻ, tẩy giun 2 lần/năm. Xoá 90% cháu suy dinh dưỡng, giảm tỉ lệ trẻ béo phì. Tích cực phòng dịch, phòng tránh các bệnh thường gặp. - Giúp trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi (phát triển các nhóm cơ và hô hấp). - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. - Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn. 2. Về nhận thức - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ, diễn đạt hiểu biết bằng câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về	1. Về thể chất - Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Khám sức khoẻ, tẩy giun 2 lần/năm. Xoá 90% cháu suy dinh dưỡng, giảm tỉ lệ trẻ béo phì. Tích cực phòng dịch, phòng tránh các bệnh thường gặp. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ. - Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. 2. Về nhận thức - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải

	bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc. 3. Về ngôn ngữ - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. Hồn nhiên trong giao tiếp. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. 4. Về phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình...	quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. 3. Về ngôn ngữ - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết. 4. Về tình cảm và kỹ năng xã hội - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. 5. Về thẩm mỹ - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
--	---	---

			- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	1. Môi trường vật chất - Phòng ốc thoáng mát, đủ ánh sáng, có đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, ăn, ngủ, học tập và vui chơi cho trẻ. - Sĩ số học sinh/lớp đủ chuẩn đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của cháu. - Trang trí lớp thẩm mỹ, và phù hợp với nội dung giáo dục. - Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ, sắp xếp hợp lí, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục tiêu giáo dục. - Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo y.cầu qui định. - Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt, mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên. - Có sân chơi và thiết bị chơi ngoài trời (trên lầu, dưới nhà) và các trò chơi với cát, đất, sỏi, nước. - Có bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây. 2. Môi trường xã hội - Môi trường chăm sóc giáo dục đảm bảo an toàn về mặt tâm lí, tạo thuận lợi giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ. - Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những	1. Môi trường vật chất - Phòng ốc thoáng mát, đủ ánh sáng, có đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, ăn, ngủ, học tập và vui chơi cho trẻ. - Sĩ số học sinh/lớp đủ chuẩn đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của cháu. - Trang trí phòng lớp thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung giáo dục. - Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ, sắp xếp hợp lí, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục tiêu giáo dục. - Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo y.cầu qui định. - Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt, mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên. - Có sân chơi và thiết bị chơi ngoài trời, các trò chơi với cát, đất, sỏi, nước. - Có bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây. 2. Môi trường xã hội - Môi trường chăm sóc giáo dục đảm bảo an toàn về mặt tâm lí, tạo thuận lợi giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ. - Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung

	người xung quanh. - Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của GV đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo. - Giáo viên đảm bảo có nghiệp vụ sư phạm, đạt và trên chuẩn đào tạo, có kiến thức và phương pháp cơ bản về giáo dục, chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non.	quanh. - Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của GV đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo. - Giáo viên đảm bảo có nghiệp vụ sư phạm, đạt và trên chuẩn đào tạo, có kiến thức và phương pháp cơ bản về giáo dục, chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non.
--	--	---

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mỹ Phương

Nguyễn Thị Mỹ Phương

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÉ NGOAN
Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định giao dự toán thu chi NSNN năm 2020 cho Trường Mầm non Bé Ngoan
số 2786/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND Quận 1)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	DỰ TOÁN THU CHI HỌC PHÍ, THU KHÁC	
I	Thu từ học phí, thu khác	6.852,04
	- Thu học phí	623,5
	- Thu khác	6.228,52
II	Chi từ học phí, thu khác	6.852,04
	- Thu học phí	623,5
	- Thu khác	6.228,52
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.484
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.064
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	2.420
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Thị Mỹ Phương

Quận 1, ngày 05 tháng 9 Năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH - 6 tháng đầu năm 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

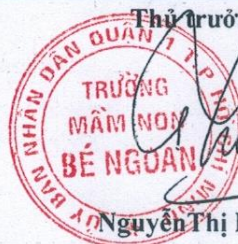
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Bé Ngoan công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện quý 1/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ THU CHI HỌC PHÍ, THU KHÁC				
I	Thu từ học phí, thu khác	6.852,04	3821,80	55,78%	78,30%
	- Thu học phí	623,52	346,400	55,56%	48,60%
	- Thu khác	6.228,52	3475,40	55,80%	83,37%
II	Chi từ học phí, thu khác	6.852,02	1.216,85	17,76%	21,07%
	- Chi học phí	623,50	423,29	67,89%	42,21%
	- Chi khác	6.228,52	793,56	12,74%	16,63%
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	7.611,3	2.379,81	31,27%	40,68%
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.611,3	2.379,81	31,27%	#REF!
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.113	2.126,00	41,58%	32,86%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	78,0	78,00	100,00%	#REF!
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	2.420	175,81	7,26%	8,53%
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Mỹ Phương

*Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Bộ Tài chính*

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÉ NGOAN
Chương: 622

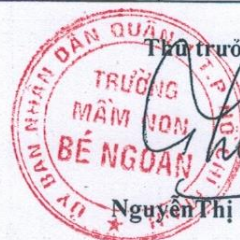
QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2019

(Kèm theo Quyết định số 149/QĐ-MNBN ngày 5/ 9 /2020 của Trường Mầm non Bé Ngoan)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu học phí, thu khác	5.246,52	5.246,52		
1	- Thu học phí	627,32	627,32		
2	- Thu khác	4.619,20	4.619,20		
II	Chi từ học phí, thu khác	5.620,39	5.620,39		
a	- Thu học phí	1.112,83	1.112,83		
b	- Thu khác	4.507,56	4.507,56		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8606,807	8606,807		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8529,807	8529,807		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	77,000	77,000		
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Mỹ Phương